

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 31/2026/HNGĐ-ST
Ngày 04/3/2026
“*V/v Tranh chấp không công nhận
quan hệ vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - NGHỆ AN**

-Thành phần Hội đồng tham gia xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Vinh và Ông Lê Quang Hoà

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Trần Ngọc Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Nghệ An tham gia phiên tòa:***
Ông Nguyễn Phi Thăng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 155/2025/TLST-HNGĐ ngày 21/11/2025 về việc “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị L**; sinh năm 1976. CCCD: 040176009772

Trú tại: **Tổ dân phố D, phường L, tỉnh Lâm Đồng.**

Bị đơn: Ông **Hoàng Khắc N**; Sinh năm 1976. CCCD: 040076001981

Trú tại: **xóm Q, xã N, tỉnh Nghệ An.**

Đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa. Có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Đặng Thị L** trình bày:

Bà **Đặng Thị L** và ông **Hoàng Khắc N** được hai gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1999, không có đăng ký kết hôn, việc chung sống với nhau là do hai bên tự nguyện. Sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2011 thì ông **N** đi nước ngoài nên giữa vợ chồng bà ngày càng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung,

không tin tưởng nhau. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Bà đã cố gắng liên lạc với ông N để giải quyết nhưng ông N không đồng ý. Hiện tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng cho bà và ông Hoàng Khắc N.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông Hoàng Khắc N có 02 con chung là các cháu: Hoàng Khắc C, sinh ngày 24/12/2000 và Hoàng Thị N1, sinh ngày 13/10/2002. Các cháu đều đã trưởng thành, tự nuôi sống được bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà và ông Hoàng Khắc N không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hoàng Khắc N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đặng Thị L lấy nhau và chung sống với nhau từ năm 1999. Ông bà có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và gia đình công nhận tuy nhiên ông bà không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, ông bà chung sống không hạnh phúc nguyên nhân do mâu thuẫn về việc làm ăn. Ông bà không sống với nhau từ năm 2003 cho đến nay. Nay bà Đặng Thị L yêu cầu không công nhận vợ chồng thì ông đồng ý.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau ông bà có 02 con chung là các cháu: Hoàng Khắc C, sinh ngày 24/12/2000 và Hoàng Thị N1, sinh ngày 13/10/2002. Các cháu đều đã trưởng thành, tự nuôi sống được bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Nghệ An có ý kiến:

- Về trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng theo quy định của Luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 2 Điều 2 Nghị định 77/2001/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2001 đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị L là không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đặng Thị L và ông Hoàng Khắc N. Các con chung là Hoàng Khắc C, sinh ngày 24/12/2000 và Hoàng Thị N1, sinh ngày 13/10/2002 đều đã trưởng thành, tự nuôi sống được bản thân nên không giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1]. Về tố tụng: Bà **Đặng Thị L** yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông **Hoàng Khắc N**. Ông **Hoàng Khắc N** cư trú tại **xóm Q, xã N, tỉnh Nghệ An**. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 (sửa đổi năm 2025), Toà án nhân dân khu vực 2 – Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án “Không công nhận quan hệ vợ chồng” là đúng quy định.

Bà **Đặng Thị L**, ông **Hoàng Khắc N** vắng mặt tại phiên toà và đều có đề nghị vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Toà án nhân dân khu vực 2 – Nghệ An tiếp tục xét xử.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Đặng Thị L** và ông **Hoàng Khắc N** đều trình bày thống nhất về việc ông bà chung sống với nhau từ năm 1999, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Toà án đã tiến hành xác minh tại **UBND xã N** kết quả: từ năm 1999 đến nay không có thông tin đăng ký kết hôn giữa bà **Đặng Thị L** và ông **Hoàng Khắc N**. Như vậy, căn cứ vào Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và khoản 2 Điều 2 Nghị định 77/2001/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2001 thì có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà **Đặng Thị L** là không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà **Đặng Thị L** và ông **Hoàng Khắc N**.

- Về con chung: Bà **Đặng Thị L** và ông **Hoàng Khắc N** có 02 con chung là các cháu: **Hoàng Khắc C**, sinh ngày 24/12/2000 và **Hoàng Thị N1**, sinh ngày 13/10/2002. Các cháu đều đã trưởng thành, tự nuôi sống được bản thân nên Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà **Đặng Thị L** và ông **Hoàng Khắc N** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3]. Về án phí: Bà **Đặng Thị L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và khoản 2 Điều 2 Nghị định 77/2001/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2001;

- Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà **Đặng Thị L** và ông **Hoàng Khắc N** là vợ chồng.

2. Về con chung: không giải quyết

3. Về tài sản chung, nợ chung: không giải quyết

4. Về án phí: Bà **Đặng Thị L** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002921 ngày 18/11/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Nghệ An. Bà **Đặng Thị L** đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2-Nghệ An;
- UBND xã Nghi Lộc;
- Phòng THADS khu vực 2;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoa